

ĐẠI BÁT-NIỆT-BÀN KINH SỞ

QUYỂN 2

PHẨM 1: TỰA (PHẦN CUỐI)

Thứ ba, từ câu “là rỗng trong loài người v.v...” trở xuống là nói về vị.

Rỗng trong loài người là nêu ra địa vị phương tiện, đạt địa vị Thập địa là trụ ngôi vị chân thật, an trụ bất động là bản thể thường vắng lặng; phương tiện hiện thân tức là đến khắp các địa dưới và pháp giới để giáo hóa làm lợi ích.

Thứ tư, từ câu “Tên các vị v.v...” trở xuống là nêu tên.

Một hằng sa chúng, nhưng chỉ nêu hai vị. Hải Đức tức là Bồ-tát Hải Tuệ nói trong kinh Đại Tập; cũng như văn sau nói tám thứ không nghĩ bàn của biển Đại Niết-bàn, từ đó mà đặt tên là Hải Đức v.v... Vô Tận Ý, trong kinh Đại Tập nói vị Bồ-tát này tự nói về tên mình, nêu lên tám mươi pháp môn để giải thích về Vô Tận Ý.

Thứ năm, từ câu “Tâm các vị v.v...” trở xuống là văn khen ngợi đức, gồm có ba:

- Trước chỉ khen trên câu Phật đạo.
- Y cứ bốn hồng thệ, gồm dưới hóa chúng sinh.
- Kết luận việc trên câu Phật đạo dưới hóa độ chúng sinh.

Đầu tiên nói kính trọng, tức y theo lý mà luận, như văn sau ghi: “Thầy của chư Phật chính là Pháp.” Kinh Đại Phẩm nói lúc Đức Phật mới thành đạo, Ngài quán sát rằng ai có thể kính trọng Thật tướng Bát-nhã, thì ta sẽ kính trọng người đó, chính là nghĩa này. Nói an trụ, ở đây là y cứ theo chứng mà luận, như văn sau ghi: “Tất cả chúng sinh cho đến chư Phật đều an trụ trong tạng bí mật”, tức là nghĩa này; hiểu sâu xa, là y cứ theo trí mà luận, như văn sau ghi: “Làm phát sinh trí tuệ sâu rộng của Bồ-tát, như rường lớn thì nắp lớn, giếng sâu thì dây gàu dài”, tức là nghĩa này. Ưu thích tức y cứ theo sự hạnh mà luận, như văn sau ghi: “Tám chữ ở núi Tuyết chẳng lấy làm khó, ngày cắt ba lạng thịt trên

thân không hề than khổ”, tức là nghĩa này. Nói giữ gìn tức là nói theo giáo, như văn sau ghi: “Vua Tiên Dự thực hành tru lục, Giác đức phá trận”, chính là nghĩa này. Tâm trên cầu Phật đạo của các Bồ-tát đến đây như biển, lược nêu năm nghĩa để hiển bày tướng trạng mà thôi.

Kế đến từ câu “khéo hay thuận theo v.v...” trở xuống là khen ngợi đức dưới hóa chúng sinh, đầu tiên là khen ngợi chung bốn thệ nguyện rộng lớn, kế đến là khen ngợi riêng.

Bồ-tát đã được ngôi vị Thập địa, an trụ chẳng động, chẳng chững Niết-bàn, lẽ nào lại vào sinh tử. Nhưng vì nhớ đến bản nguyện đã lập nên thuận theo thế gian, dùng tâm đại bi thuận theo khởi hai thệ nguyện rộng lớn, dùng tâm đại từ thuận theo khởi hai thệ nguyện rộng lớn. Đây là ý khen ngợi chung.

Kế đến, từ câu “phát thệ nguyện v.v...” trở xuống là khen ngợi riêng.

Chưa được độ, sẽ độ là khen ngợi riêng lời thệ nguyện đầu tiên. Nói “đã trì giới ở quá khứ”, giới là đối trị của tội cấu, vì đối trị cho nên thoát khỏi tội cấu trói buộc. Nói “chỉ dạy cho những người chưa biết” là khen ngợi riêng lời nguyện thứ hai. Tiếp nối hạt giống Phật tức là pháp môn vô lượng, là khen ngợi lời nguyện thứ ba. Nếu nói khắc tượng gỗ chiêm-đàn, đúc tượng báu, biên chép Tu-đa-la, cạo tóc, nhuộm y, đó chỉ là tướng trong sự theo Tam bảo chẳng dứt. Nếu phát tâm Bồ-đề thì gọi là Phật bảo; thể ngộ đạo Đại thừa gọi là Pháp bảo; sự lý dung hòa gọi là Tăng bảo. Đây là lý tánh Tam bảo chẳng dứt. Kinh Tiểu Bát-nhã ghi: Quyển kinh ở chỗ nào thì chỗ đó có Phật và Tăng bảo. Văn kinh sau ghi “Nếu biết Thường trụ, nên biết nhà này có Phật”. Từ đây mà suy thì Tam bảo chẳng dứt, tức vô lượng pháp môn. Từ câu “Xoay bánh xe pháp ở đời vị lai” tức thệ nguyện thành tựu Phật đạo vô thượng, đây là khen riêng lời thệ nguyện thứ tư.

Thứ ba, từ câu “Dùng đại trang nghiêm v.v...” trở xuống là tổng kết bốn thệ nguyện rộng lớn.

Đây cũng là gồm kết luận trên cầu Phật đạo dưới hóa độ chúng sinh, nên nói đại trang nghiêm. Nếu kết luận riêng bốn thệ nguyện rộng lớn thì nói vị lai thành Phật dùng tướng tốt trang nghiêm thân, dùng mười lực, bốn vô úy để trang nghiêm tâm là đại trang nghiêm. Kinh Đại Phẩm thường dùng sáu Độ, ba mươi bảy phẩm để trang nghiêm. Trong kinh Tiểu Bát-nhã thì dùng “không” trang nghiêm mà trang nghiêm. Còn kinh này văn sau nói dùng phước đức của sáu Độ, trí tuệ của mười Địa làm hai trang nghiêm.

Thứ sáu, từ câu “thành tựu v.v...” trở xuống là kết luận, trước là nói chung, sau nói riêng.

Đầu tiên là kết luận chung trên cầu Phật đạo dưới hóa độ chúng sinh, là phước đức trí tuệ, kế đó là nói “bình đẳng quán chúng sinh xem như con một, v.v...” tức là kết luận riêng về bốn thế nguyện rộng lớn là dưới hóa độ chúng sinh.

Kế đến, từ câu “cũng vào lúc sáng sớm v.v...” trở xuống là nói về vãng phụng ánh sáng triệu thỉnh.

Từ câu “khấp mình nổi gai ốc, v.v...” trở xuống là nói thuận theo ánh sáng triệu thỉnh.

Chỉ nêu thân và ý, lược bỏ không nêu khẩu nghiệp lành và ba chướng.

Từ câu “hiển phát v.v...” trở xuống là nói về việc vãng phụng và thuận theo đất rung chuyển triệu thỉnh. Như đã giải thích ở trên.

Thứ ba, từ câu “hai hằng hà sa v.v...” trở xuống là nêu các chúng khác, có ba: Hai mươi một chúng tăng số; tám chúng đồng số; một chúng vô số.

Đầu tiên từ câu “hai hằng hà sa v.v...” trở xuống là nói chúng tăng số, có ba: Thứ nhất là số triệu, cũng có năm ý là: Số, loại, danh, khen ngợi và kết luận.

Đầu tiên nói hai hằng hà sa là số.

Vì chẳng phải số lượng mà thế gian biết được, nên dùng hằng hà sa để làm dụ.

Từ câu “Ưu-bà-tắc v.v...” trở xuống là nói về loại.

Luận Xá-lợi-phát Tỳ-đàm nói, người nam người nữ lia dục; luận Chánh Pháp Hoa gọi đó là Thanh tín sĩ nữ; kinh Đại Ai gọi đó là Huân sĩ, Huân nữ, hoặc gọi là Thiện túc nam nữ. Tuy có nhiều tên gọi nhưng đều chỉ chung cho hai chúng tại gia. Nếu nói riêng thì thân tuy là thế tục, nhưng chưa lập gia đình, thường theo hầu Như Lai, đây là hai chúng lia dục. Nếu đã kết hôn, nay thọ trì năm giới, dứt hẳn pháp thế tục, có công đối với Phật pháp nên gọi là Huân sĩ. Nếu không thiếu pháp thế tục, thọ trì năm giới, lại giữ tám trai giới thì gọi là Thiện túc nam nữ. Nếu chỉ thọ ba quy y thì gọi là vô phần Ưu-bà-tắc, nếu lãnh thọ một hoặc hai giới thì gọi là Thiếu phần, nếu thọ ba hoặc bốn giới thì gọi là Đa phần, nếu thọ đủ năm giới thì gọi là Mãn phần; kinh gọi Cụ túc tức Mãn phần. Lại thọ trì năm giới chỉ cầu quả báo trời người thì gọi là Vô phần. Nếu sợ khổ sinh tử mà chí cầu Niết-bàn thì gọi là Thiếu phần, nếu vì chúng sinh gọi là Đa phần, nếu biết giới là pháp giới gồm thân tất cả,

chỉ vì Phật đạo, thì gọi là Mãn phần.

Nói đầy đủ oai nghi tức có oai nghi luôn thường đi chung với lễ, thường đi chung với giới, thường đi chung với vô thường, thường đi chung với từ bi, thường đi chung với thật tướng, thường ở trong định Thủ-lăng-nghiêm, năng thị hiện các loại thân hình, thị hiện khắp mười cõi, giở chân đặt chân đều là Phật pháp. Nhà dân quán rượu đều là chánh đạo, trụ trong oai nghi Phật, đó mới gọi là đầy đủ. Nên biết năm giới và oai nghi lại có Bản và Tích; năng ở nơi bản bất động mà hiện tích cùng khắp, gọi là đầy đủ giới và oai nghi.

Hỏi: Nghĩa của Ưu-bà-tắc như thế, còn Thanh văn, Bồ-tát và Phật thì thế nào?

Đáp: Theo nghĩa lý thì tất nhiên là có, nhưng chưa thấy danh giáo. Hoặc có người chẳng tin, nay thử nói xem. Hàng bốn thiện căn là Vô phần, Sơ quả Thanh văn là Thiếu phần, quả thứ hai, thứ ba là Đa phần; hàng Vô học là Mãn phần. Lại bốn phần này nếu đối với Đại thừa, đều gọi là Vô phần; còn đã dứt trần sa hoặc gọi là Thiếu phần, nếu dứt một, hai phẩm vô minh gọi là Đa phần; nếu dứt hết vô minh gọi là Mãn phần. Nên kinh Pháp Hoa ghi: “Như chúng con ngày hôm nay mới thật là Thanh văn, dùng âm thanh Phật đạo, khiến cho tất cả đều được nghe”, đó là Đa phần Thanh văn. Còn Tuệ tánh địa gọi là Vô phần Bồ-tát. Nếu Sơ địa đến Lục địa dứt hoặc đồng với A-la-hán, thì gọi là Thiếu phần; Thất địa tu phương tiện đạo gọi là Đa phần; Bát địa, thì đạo và quán song tu là Mãn phần. Lại ba mươi tâm là vô phần; Sơ địa và Nhị địa là Thiếu phần, Tam địa đến Cửu địa là Đa phần; Thập địa là Mãn phần. Lại Thập tín là Vô phần; Thập trụ là Thiếu phần, Thập Hạnh Thập hồi hương là Đa phần, Thập Địa là Mãn phần. Lại Thập địa của Thông giáo, ba mươi tâm của Biệt giáo là Vô phần; Thập Địa của Biệt giáo và Thập trụ của Viên giáo là Thiếu phần; Thập hạnh, Thập Hồi Hương của Viên giáo là Đa phần; Thập Địa của Viên giáo là Mãn phần. Tất cả chúng sinh đều có Phật tánh mà không thấy, không tác dụng được gọi là Vô phần Phật. Sơ trụ; Sơ địa có thể làm Phật ở trăm cõi nước tức là Thiếu phần Phật; Nhị trụ, Nhị địa trở lên là Đa phần Phật; Diệu giác là Mãn phần Phật. Từ nghĩa này mà biết trong mỗi pháp môn đều có quyền thật, bản tích, tức là nghĩa này.

Hỏi: Còn về nghĩa sâu bọ, rắn rết thì thế nào?

Đáp: Một pháp lành có bốn phần, một pháp ác cũng giống như thế, nhưng chưa thấy danh giáo, nên gác qua chẳng nói. Vả lại, nếu nói theo quyền thì việc làm của tiểu Bồ-tát là Vô phần rắn rết; việc làm của

Sơ địa, Sơ trụ là Thiếu phần; cho đến việc làm của Thập trụ Thập địa là Đa phần, việc làm của Như Lai là Mãn phần, cho nên có đủ chúng quyền thật; thật thì triệu, quyền thì thỉnh, nên gọi là Triệu thỉnh.

Từ câu “đó là v.v...” trở xuống là nêu tên, chỉ nêu hai vị, Vô Cấu Xưng Vương hoặc gọi là Duy-ma-la-cật, là người đã quở trách tám ngàn Bồ-tát, năm trăm La-hán; Thiện Đức là vị đã lập đại hội bố thí ở nhà của cha mẹ. Hai vị này thường là bậc Thượng thủ.

Từ câu “thích quán xét v.v...” trở xuống là ý thứ tư, khen ngợi đức. Đầu tiên là khen ngợi, sau là kết luận. Trong phần khen ngợi thì có khen ngợi trên cầu và khen ngợi dưới hóa. Từ đoạn “mười ba đối trị môn v.v...” trở xuống là khen ngợi trên cầu.

Xưa nói lấy khổ làm thuốc để trị bệnh lạc, thường, vô thường cũng như thế. Nay nói đó là giáo lúc đầu chứ chẳng phải là ý kinh này. Xưa lại nói các môn đã trị này là sáu hạnh quán, nên dẫn văn sau: “Vô thường là sinh tử, thường là đại Niết-bàn; vô ngã là Thanh văn, Duyên giác; ngã là Pháp thân Như Lai; khổ là tất cả ngoại đạo; lạc là đại Niết-bàn; bất tịnh là các pháp hữu vi; tịnh là chánh pháp của chư Phật, Bồ-tát”, để phân biệt, nhưng sáu hạnh này từ trước đến đây chưa nói, đến quyển hai mới trình bày. Vả lại trong phẩm Điều Dụ mới nói về “song du” (đồng hành), vì thế chẳng nên dùng đó để khen ngợi đức của Ưu-bà-tắc. Đây là các nhà giải thích kinh dùng ý sau mà khen ngợi việc trước, như Hưng Hoàng, v.v... Các vị Tỳ-kheo lúc mới đến chưa phải là bậc La-hán, mà các nhà giảng kinh lại dùng đức của bậc Vô học mai sau mới ngộ mà khen ngợi ở đây. Tỳ-kheo còn chẳng được như thế, thì chúng thế tục đâu được như thế ư? Nên biết đó là những vị đồng hạnh với Phật, đã thông đạt pháp quán này từ lâu, cho nên mới khen ngợi.

Nay xin phân biệt: Một, là thuốc bệnh nương nhau làm chủ, có thể là đối trị, sáu hạnh đồng hành song du há có thể là đối trị ư? Giải thích rằng: Thuốc bệnh làm chủ lẫn nhau, bệnh đã hết mà còn giữ thuốc là thiên đối trị. Sáu hạnh và (sự đồng hành) song du đáp đối nhau là thuốc bệnh, bệnh hết thuốc bỏ là đối trị viên mãn. Nếu thế thì người đồng hạnh Phật đã thông đạt sáu quán từ lâu, được khen ngợi thì chẳng nghi ngờ gì, còn các thật hạnh khác thì sao? Từ quyền dẫn đến thật thì cũng có ý như thế, như văn sau ghi: “Người thọ nhận giáo pháp trước kia thì dùng thuốc vô thường trị bệnh thường, bệnh thường đã dứt lại chấp vô thường”, nghe thuốc thường trị phá bệnh vô thường là giáo hôm nay sử dụng; như văn sau nói dùng ba tu hơn phá ba tu kém, tức là nghĩa này. Hai, là vốn chẳng thọ nhận giáo pháp trước kia, mà tu tập thứ lớp pháp

đại Niết-bàn, trước tu Vô thường đối trị Thường, kế đó tu Thường đối trị Vô thường, phá hai mươi lăm hữu được hai mươi lăm Tam-muội, trụ trong đại Niết-bàn, đó là hiển bày đại Niết-bàn dần dần chuyển thành sâu; cho nên đầy đủ hai thứ đối trị. Vì sao lại suy ra có một là giáo trước kia, một là giáo hiện nay? Ba là lại có một hạnh là hạnh Như Lai, đầy đủ Thường, Vô thường, vừa thường vừa vô thường, chẳng thường chẳng vô thường; viên tu sáu quán, gồm đối trị thường và vô thường, lại bệnh thuốc tương quan, bệnh hết thì thuốc cũng bỏ, bệnh và trị đều lìa, như thế gọi là môn đối trị. Nếu nói một hạnh là tất cả hạnh, như phẩm Thánh Hạnh đã nói, nếu nói theo sự đồng hành (song du) thì như phẩm Điều dụ đã nói. Ưu-bà-tắc đầy đủ các đức hạnh này, nhưng hai ý trước cạn, một ý sau là sâu xa. Như văn sau ghi: “Quán sát sâu xa các môn đối trị”, là khen ngợi ý thứ ba.

Năm mươi hai chúng có căn tánh khác nhau, nhưng chẳng ngoài ba loại; quyền tức là đồng thật dẫn đến Niết-bàn, được vào Niết-bàn thì một loại còn không có, hướng chi có ba. Thế thì nghĩa của môn đối trị chân thật cũng hiển phát ý nghĩa giáo pháp phương tiện bí mật của Như Lai. Trong văn chính là khen ngợi quyền dẫn đến thật. Nếu không có thật hạnh thì quyền đâu có gì để dẫn, nếu không có quyền thì thật chẳng có chỗ để làm khuôn phép. Đã khen ngợi quyền, cũng phụ khen ngợi thật, thế thì đâu thể phán định ở giáo trước, giáo sau. Nếu xét qua các câu để phân biệt thì nên nói dính mắc tục là khổ, đắm nơi chân là lạc; đắm nơi chân là khổ, phân biệt là Lạc, Thường, Ngã, Tịnh cũng giống như thế. Vả lại, đắm nơi không là khổ, đại Niết-bàn là lạc; đắm nơi Không là lạc, đại Niết-bàn là khổ; cho đến tăng thượng chẳng tăng thượng cũng giống như thế.

Hỏi: Hằng và Thường có gì khác nhau?

Đáp: Chẳng thuận theo nhân duyên là Thường, trước sau chẳng khác là Hằng, cả hai đều thuộc bệnh hai bên. Cả hai đồng làm thuốc, bệnh, gọi đó là môn thông vào Trung đạo, chẳng phải thuốc chẳng phải bệnh, lìa hai bên lìa chính giữa.

Nói “thích nghe” tức là ý kính trọng Đại thừa nói ở trước, như biển chứa trăm sông, như hư không dung chứa sắc. Nói cho người nghe, tức trí biết ở nơi thuyết, trí khéo léo hiểu sâu xa, cũng gồm cả dưới hóa độ chúng sinh. Ở đây đồng lấy lý làm ý Đại thừa, kính ngưỡng Đại thừa tức là ý an trụ nói ở trên; làm đầy đủ cho những người kính ngưỡng, tức gồm cả ý dưới hóa độ chúng sinh. Khéo léo gìn giữ tức ý sâu xa đã nói ở trước; ưa thích tức như trên y cứ theo Sự; bảo vệ gìn giữ tức như trên

y cứ theo Giáo.

Khen ngợi chung bốn thế nguyện rộng lớn, như trên đã nói đủ.

Từ câu “dùng đại trang nghiêm v.v...” trở xuống là văn kết luận việc khen ngợi, như trên đã nói.

Từ câu “thầy đều v.v...” trở xuống là đoạn thứ năm, kết luận, như văn kinh đã ghi.

Từ câu “cũng vào lúc v.v...” trở xuống là vâng phụng ánh sáng triệu thỉnh.

Chỉ nói về thời gian vâng phụng sự triệu thỉnh, tức là ba triệu thấy, nghe và biết.

Từ câu “vì muốn trà-tỳ v.v...” trở xuống là nói về thuận triệu thỉnh.

Vì sao văn trên nói là hiển phát giáo bí mật, còn ở đây lại nói trà-tỳ, như thế thì làm sao dung hội lời hiển phát nói thẳng cho chúng xuất gia ở trên. Đây là nói về nghĩa do Sự mà hiển Lý, nhờ nơi tài vật mà thông suốt được pháp cho chúng tại gia. Trà-tỳ tức là hỏa thiêu. Sắp đặt gỗ thơm tức là nhờ vào việc thiêu để hiển bày lý chẳng thiêu, nhờ vào diệt để nói về chẳng diệt, và nói lên chẳng diệt chẳng phải chẳng diệt. Sắp đặt thức ăn cúng dường là nhờ vào ăn để nói chẳng phải ăn, nói lên chẳng phải ăn chẳng phải không ăn, cho nên phương tiện được mở, giáo bí mật được hiển bày. Đó là vâng phụng âm thanh triệu thỉnh. Nói gỗ thơm có trang nghiêm đủ các thứ báu là do diệt mà nói chẳng diệt, hiển thị chẳng diệt chẳng phải chẳng diệt, đầy đủ các pháp mẫu. Món ăn có ba đức, sáu vị, lọng báu, tòa báu, đều được trang nghiêm đẹp đẽ, là nói lên trong lý từ bi cứu độ tất cả chúng sinh cũng có đủ các pháp môn.

Từ câu “các Ưu-bà-tắc v.v...” trở xuống là nói về thuận đất chấn động triệu thỉnh.

Ở trên nói làm nhân duyên điều phục chúng sinh, ở đây lại nói gồm thâu chúng sinh khiến họ được điều phục, thì ý nghĩa cũng giống.

Từ câu “Các Ưu-bà-tắc này đều đã v.v...” trở xuống là nói về thuận theo ánh sáng triệu thỉnh.

Nên trừ ba chương; ở đây chỉ nói sinh ba nghiệp lành đều như văn đã ghi.

Từ câu “mỗi người đều mang vật cúng dường v.v...” trở xuống là nói về việc hiến cúng, cũng là văn nói về thuận triệu thỉnh.

Từ câu “Ba hằng hà sa chúng v.v...” trở xuống gồm có ba đoạn. Trong đó về người được triệu thỉnh có bốn ý là: Số lượng, chủng loại, danh hiệu, và khen ngợi.

Đầu tiên nói ba hằng hà sa là nêu số lượng.

Từ câu “các Ưu-bà-di v.v...” trở xuống là nói về chủng loại, như đã giải thích ở trên.

Thứ ba, từ câu “thọ đức v.v...” trở xuống là nêu tên ba vị.

Lấy thọ mệnh làm đức, tức là thường, v.v... Có người cho rằng Đức Man là Thắng-Man, nhưng Thắng-Man là vợ vua, chẳng nên dùng so sánh ở đây. Xá-khư là người mẹ sinh ba mươi hai trứng.

Từ câu “đều có khả năng chịu đựng v.v...” trở xuống là khen ngợi đức. Văn khen ngợi gồm có hai phần: một, là sơ lược khen ngợi sự trên cầu Phật đạo dưới hóa độ chúng sinh; hai, là khen rộng về việc trên cầu Phật đạo dưới hóa độ chúng sinh.

Đầu tiên nói có khả năng hộ trì là khen đức trên cầu Phật đạo. Hộ tức là hộ trì giáo chánh pháp, như thủ hộ Đại thừa nói trên. Trì tức giữ gìn sự lý chánh pháp, như kính trọng cho đến ưa thích Đại thừa nói trên. Nói vì độ trăm ngàn tức là nói nguyên do của thế nguyện; hiện thân nữ tức là việc làm của thế nguyện, cho nên nói đây là đoạn văn khen ngợi sơ lược.

Kế đến, từ câu “chê trách gia pháp v.v...” trở xuống là khen ngợi rộng về đức trên cầu Phật đạo dưới hóa độ chúng sinh, lại nói rộng thêm ý hộ trì. Trong phần khen ngợi rộng có ba ý: Một, là khen ngợi trên cầu Phật đạo; hai, là khen ngợi dưới hóa độ chúng sinh; ba, là kết luận chung hai đức.

Văn khen ngợi trên cầu có hai ý: Một là nói về sự quán, hai là tổng kết thành tựu công đức. Văn sự quán có hai: Một, là nêu cảnh sự; hai, là nêu năm môn.

Đầu tiên quả trách gia pháp, tức là quán cảnh nếu chỉ dùng đức và hạnh của người phụ nữ như quét dọn, v.v... làm gia pháp thì quá cục hạn. Nếu lấy ba cõi luân hồi làm gia pháp thì quá xa vời. Nay chỉ dùng năm ấm làm gia pháp. Các quả báo hạn cuộc, nhỏ hẹp trói buộc mà phàm phu lại cố nuôi dưỡng, còn bậc Hiền thánh thì xả bỏ, cho nên nói là chê trách.

Kế đến từ câu “tự quán thân này v.v...” trở xuống: Đầu tiên là quán khổ, bốn đại tàn hại lẫn nhau, các loài trùng độc cắn rút thân thể. Bốn đại tàn hại lẫn nhau là nói thân là nơi nhóm họp các khổ. Nói thân này dơ uế, tức là quán bất tịnh, là năm thứ bất tịnh. Nói bị lao ngục tham dục trói buộc, tức cho rằng có lớp da mỏng phủ lên trên gọi đó là tịnh; trói buộc mãi mãi cho nên gọi là lao ngục trói buộc. Nói chó chết tức rất ráo bất tịnh, nói chín nơi bài tiết tức tự tướng bất tịnh; từ câu “như

thành trì v.v...” trở xuống là không quán. Bùn, gỗ, đất, đá do giả duyên lập thành, ác quỷ ba độc sống ở trong đó. Bên ngoài thì luống dối, bên trong thì tà vạy, vì thế gọi là Không. Nói thân này chẳng bền chắc là quán vô ngã; thân này vô thường là quán vô thường; hai quán thô tế như vẫn đã ghi.

Kế đến, từ câu “đâu thể dùng dấu chân trâu v.v...” trở xuống là kết luận công đức, kết luận sự quán, có bảy ý: Thứ nhất, nêu thí dụ kết luận sự quán, tức quán biết thân này khổ não, hoạn lụy rất nhiều.

Thứ hai nêu ba Tam-muội để kết luận sự quán, là đạo lý sâu xa mâu nhiệm.

Nhân duyên, là sự quán, tức trong ngoài suy cầu kiểm nghiệm chẳng thật có, cho nên là không. Không tức là chẳng có tướng các ấm, cũng chẳng có tướng không. Vì không tướng nên chẳng tạo tác. Thích Luận ghi: “Nhị thừa duyên với chân, quán ba Tam-muội, Bồ-tát duyên với Thật tướng quán ba Tam-muội v.v...”

Thứ ba, là nêu Đại thừa kết luận sự quán hợp với khế kinh.

Thứ tư, là nêu năng thuyết để kết luận việc trên cầu Phật đạo mà chẳng bỏ việc dưới hóa độ chúng sinh. Sự quán tức là pháp chỉ dạy người.

Thứ năm, từ câu “hộ trì v.v...” trở xuống là nêu hộ trì để kết luận Sự quán tức Lý quán, chẳng động bản địa.

Thứ sáu, từ câu “xem thường thân nữ v.v...” trở xuống là nêu lời chê trách Sự tích, tức dùng Bản của Bồ-tát để kết luận Sự quán là việc làm của nguyện lực.

Thứ bảy, là kết luận sự quán tức chánh quán, phá hoại được sinh tử.

Theo văn rất dễ hiểu, các ý này cũng là môn đối trị nói ở chương Ưu-bà-tắc. Tánh người nam ngay thẳng, nên chỉ nói đối trị, tánh người nữ ái nhiễm, nên nói đủ năm môn. Năm môn đều duyên thật tướng, ngay nơi sự mà lý là diệu trong chương Bồ-tát, còn ưa thích Đại thừa, thủ hộ Đại thừa thì như trên đã giải thích. Nói tuy hiện thân nữ mà thật là Bồ-tát, tức là ý nghĩa an trụ Đại thừa nói trên.

Kế đến, từ câu “khéo hay thuận theo v.v...” trở xuống là khen ngợi đức dưới hóa độ chúng sinh, như trên đã giải thích.

Từ câu dùng đại trang nghiêm v.v... trở xuống là gồm kết luận việc trên cầu Phật đạo dưới hóa độ chúng sinh, cũng giải thích như trên.

Câu “cũng vào lúc sáng sớm”, là nói về vãng triệu thỉnh.

Từ câu “mọi người bảo nhau rằng v.v...” trở xuống, là nói về thuận triệu thỉnh.

Nói “nên đến”, tức là nên thuận theo ba sự triệu thỉnh, hiến cúng và phép tắc cung kính.

Từ đoạn “bốn hằng hà sa chúng v.v...” trở xuống có hai ý: một, nói về người được triệu thỉnh, có bốn ý là: số lượng, chủng loại, khen ngợi và tên gọi. Đầu tiên nói bốn hằng hà sa chúng là nêu số lượng.

Kế đến nói “Tỳ-xá-ly v.v...” là nêu chủng loại.

Tỳ-xá-ly, Hán dịch là Hảo đạo; ngài Tăng Triệu dịch là Quảng nghiêm, ngài La-thập dịch là Quảng bác, đều y cứ theo sự phân hoa của nước ấy mà đặt tên. Ly-xa còn gọi là Lê-xương, Di-ly đều do phiên âm khác nhau mà thôi, dịch ý là Biên địa chủ hoặc Truyền Tập Quốc Chánh. Ngài Quán Đảnh nói rằng nước ấy có năm trăm vị Trưởng giả thay nhau làm vua, nên gọi là Truyền tập quốc chánh. Khi thôi làm Quốc chánh thì ra bên ngoài làm Biên địa chủ v.v... Nói quyển thuộc của vua tức các Ly-xa này đều từng là vua, có thân thích với hoàng tộc, thuộc về chủng tánh vua chúa.

Từ câu “vì cầu pháp v.v...” trở xuống là khen ngợi đức, có hai ý: Khen ngợi và kết luận.

Khen ngợi có hai:

1/ Vì cầu pháp, chỉ có câu nói về trên cầu.

2/ Nêu ba cặp nói về việc dưới hóa độ chúng sinh. Cặp thứ nhất là nói về giới thí. Hai là nói về chiết phục nhiếp thọ. Ba, là nghe và nói như văn. Văn tương tự nói về việc dưới hóa độ chúng sinh, nhưng lại gồm cả sự trên cầu Phật đạo. Kế đến, từ câu “đều thành tựu v.v...” trở xuống là kết luận, như văn kinh đã ghi.

Nêu tên gọi: Như văn kinh đã ghi.

Từ câu “họ bảo nhau rằng v.v...” trở xuống, là nói về thuận triệu thỉnh.

Nếu không vâng phụng triệu thỉnh thì đâu có thuận theo, nêu lên thuận, thì biết là đã có phụng và thuận triệu thỉnh, nhưng chỉ nói thuận đất chấn động triệu thỉnh thì các ý khác cũng rất dễ hiểu.

Kế đến là nói về hiến cúng.

Phép tắc cung kính như văn đã ghi: Nói bảy cây Đa-la, tức là nói tánh khí vua cao ngạo, chẳng chịu ở dưới các loài, nhờ thần lực của Phật giúp đỡ nên bay lên cao bảy cây Đa-la. Có chỗ cho rằng tùy nghi như thế.

Kế đến, là từ câu “năm hằng hà sa đại thần v.v...” trở xuống, có

hai ý: 1/ Người được triệu thỉnh; 2/ Thuận theo triệu thỉnh. Người được triệu thỉnh, có bốn ý: Số lượng, chủng loại, khen ngợi, danh hiệu. Số lượng và chủng loại thì như văn đã ghi.

Trong phần khen ngợi, có trên cầu Phật đạo và dưới hóa độ chúng sinh. Như văn đã ghi.

Từ câu “sấm sửa phẩm vật cúng dường v.v...” trở xuống là nói về thuận triệu thỉnh.

Sấm sửa phẩm vật cúng dường, do món ăn mà khai mở pháp thường, là thuận theo âm thanh triệu thỉnh. Đến rừng Ta-la là thuận đất chấn động triệu thỉnh. Tâm vô cùng buồn khổ là thuận theo ánh sáng triệu thỉnh.

Kế là nêu thành Tỳ-xá-ly. Đã nói nhiều hơn sáu lần, lẽ ra nên nói là sáu hằng hà sa, nhưng số lượng của vua có thể tính, chỉ trừ một người là A-xà, còn những người khác không tính hằng hà sa cho nên không nói về số lượng. Theo văn có ba ý: Một là, người được triệu thỉnh; hai, là vâng triệu thỉnh; ba, là thuận theo triệu thỉnh. Ý thứ nhất có hai là chủng loại và tên gọi. Trong các chủng loại, trừ vua Xà-thế là vì vị vua này được nói ở văn sau.

Nêu tên gọi thì như văn đã ghi.

Từ câu “Dẫn theo bốn thứ binh v.v...” trở xuống là phần thuận theo triệu thỉnh.

Từ câu “các vị vua này v.v...” trở xuống là phần khen đức.

Khen ngợi đầy đủ cả đức trên cầu Phật đạo dưới hóa độ chúng sinh, mà chẳng theo thứ lớp là vì để hiển bày nghĩa không nhất định.

Kế đến từ câu “cũng vào lúc sáng sớm v.v...” trở xuống là nói về triệu thỉnh.

Nói “mang các món ăn ngon v.v...” là văn thuận theo triệu thỉnh.

Kế đến nói bảy hằng hà sa phu nhân, trên là nêu các phu nhân của vua đương đời, ở đây là nêu các phu nhân, phi tần của tiên vương. Văn có hai là người được triệu thỉnh và thuận theo triệu thỉnh. Đoạn thứ nhất được triệu thỉnh có bốn: Số lượng, chủng loại, nêu tên và khen ngợi.

Về chủng loại thì phân biệt với các vua ở thế gian. Lại nêu lên Bản gồm ba Tam-muội, Tích là thân nữ, đó đều là chủng loại thuộc về quyền hóa.

Về tên gọi thì như văn kinh đã nêu.

Khen ngợi đức trên cầu Phật đạo dưới hóa độ chúng sinh, như văn đã ghi: “Mỗi người đều nói với nhau” là thuận theo triệu thỉnh, như văn đã ghi.

Kế đến là nói tám hằng hà sa Thiên nữ. Theo văn gồm có ba: Đầu tiên là nói chúng được triệu thỉnh, có bốn ý: Số lượng, chủng loại, nêu tên và khen ngợi. 1. Về số lượng thì như văn kinh đã ghi. 2. Nói Thiên nữ là nêu chủng loại. 3. Nêu tên, như văn đã ghi. 4. Từ câu “nói rằng v.v...” trở xuống là khen đức, có ba ý: Khen ngợi quả báo được cái thấy của mắt trời. Từ câu “các thiên nữ này v.v...” trở xuống là khen ngợi trên cầu Phật đạo. Từ câu “khéo năng thuận theo v.v...” trở xuống là khen ngợi dưới hóa chúng sinh, ý thứ nhất như văn kinh ghi.

Kế đến, trong phần khen ngợi trên cầu Phật đạo thì nói “muốn nghe Đại thừa” là hiểu sâu xa Đại thừa; nói “oai nghi đầy đủ” là an trụ Đại thừa, những ý khác thì như văn kinh đã ghi.

Là từ câu “khéo năng thuận theo v.v...” trở xuống là khen ngợi dưới hóa, như trước đã giải thích.

“Cũng vào lúc sáng sớm” là nói về vãng triệu thỉnh.

Kế đến, đoạn nói “chín hằng hà sa chúng Long vương, có ba ý: Thứ nhất là nói về chúng được triệu thỉnh, có ba: Là số lượng, chủng loại và tên gọi.

Vãng triệu như văn đã ghi. Từ câu “sắm sửa các phẩm vật v.v...” trở xuống là nói về thuận theo triệu thỉnh. Như văn kinh đã ghi.

Kế là nói “mười hằng hà sa chúng quỷ thần vương”, văn có hai: Thứ nhất là nói về chúng được triệu thỉnh, có ba ý là số lượng, chủng loại và tên gọi.

Ở đây là nêu tên chung, còn tên nêu ở văn sau chính là bốn vị Thiên vương.

Từ câu “này các Nhân giả, hãy mau đến v.v...” trở xuống là thuận theo triệu thỉnh.

Về phẩm vật cúng dường thì như văn đã ghi.

Kế là từ hai mươi hằng hà sa các loài chim đầu đàn tăng số đến một ngàn ức hằng hà sa quỷ thần, cho đến Bạch Thấp vương, chỉ lược nêu số lượng, chủng loại và tên gọi mà thôi.

Các vị vua này đã xa lìa tâm ác, không còn ăn thịt mọi người, đối với kẻ oán ghét mà sinh tâm Từ bi. Dung mạo các vị vua này rất xấu, nhưng nhờ thần lực Phật mà đều được xinh đẹp.

Trong các chủng loại kể trên hoặc có khen ngợi đức độ đều rất dễ hiểu. Đây là hai mươi một chúng trong tăng số thứ nhất. Văn sau lại có ghi mười vạn ức hằng hà sa các thiên tử, Phong thần, Vũ thần. Ba chúng này có số lượng đồng nhau.

Từ hai mươi hằng hà sa Tượng vương cho đến hai mươi hằng hà sa

vị Tiên, gồm năm chúng đều có số lượng bằng nhau.

Năm chúng đồng số lượng đã kể xong, tất cả loài ong chúa ở cõi Diêm-phù-đề là chúng vô số.

Thứ hai là nêu chúng trung gian. Khoảng giữa Diêm-phù-đề và vô lượng thế giới gọi là Trung gian, có hai ý: Một là, kết đoạn trước, nêu đoạn sau; hai là, gồm buồn thương, xa thì triệu thỉnh.

Kết đoạn trước tức là tổng kết ba mươi bốn chúng nêu ở trước. Phân biệt hai chúng thì có sự có hiển. Sự tức là ngài Ca-diếp nhập định diệt tận, vì ở trong định cho nên chẳng đến được; còn ngài A-nan bị ma trói buộc cho nên cũng chẳng đến. Hiển, nghĩa là ngài Ca-diếp vì hiển bày việc chẳng bỏ giới nhỏ, ngài Ca-diếp là Trưởng tử mới giữ gìn được Phật pháp. Khi Phật sắp nhập diệt thì nên bỏ các giới nhỏ, bèn bảo A-nan: “Sau khi ta diệt độ, những giới nhỏ nhất, nếu giới nào giữ được thì giữ, nếu giới nào không cần giữ thì được phép bỏ”. Về sau ngài Ca-diếp hỏi thế nào là giới nhỏ nhất, thì A-nan lại không biết, ngài Ca-diếp quở A-nan rằng: “Ngài ở gần Phật, nhận lãnh Thánh chỉ của Phật, mà nay nói không biết, vậy nay làm sao biết giới nào nên bỏ, giới nào không nên bỏ? Vả lại sợ bị ngoại đạo chê bai là các giới do thầy đặt ra, sau khi thầy diệt độ thì bỏ, vì thế chẳng nên xả bỏ. Nếu ngài Ca-diếp đến thì đâu thể chấp chánh việc này. Ngài A-nan vì muốn nêu lên sự khen ngợi, phó chúc, năng lực thần chú của Phật lúc cuối cùng. Nếu ngài A-nan đến thì chẳng thể hỏi được, cũng chẳng khen ngợi, cũng chẳng khiến cho ngài Văn-thù mang thần chú để giải nạn. Ý nghĩa hai chúng không đến là như thế.

Hỏi: Đức Phật bảo bỏ các giới nhỏ nhất mà ngài Ca-diếp chẳng vâng theo, thì thầy trò trái nhau, vì sao như thế?

Đáp: Không đúng, Đức Phật vì hàng lợi căn, thuận theo lợi ích của họ mà nói, còn ngài Ca-diếp là hàng độn căn, thì lại bảo phải giữ như cũ, cho nên chẳng có chống trái.

Kế đến là nêu đoạn sau, gồm có ba: một, là nói về trời, người; hai, là nói về sơn thân; ba, là nói về thân sông biển.

Tức là trời, người ở trên và dưới bốn thiên hạ, kinh nói trung gian, trung gian thì nơi nào chẳng thấu, tuy vẫn chẳng nói ba thiên hạ và trăm ức thiên hạ, nhưng theo nghĩa mà suy cũng rất dễ hiểu. Vì sao ở thế giới xa khác còn đến được, mà Đông phát, Tây cù thì chẳng đến được? Mười phương còn đến được, vì sao trăm ức Tứ thiên chẳng đến được? Nếu theo lời văn của trung gian, thì rất nhiều chúng, chỉ có thể dùng ý xét biết, chẳng thể chép ra văn, v.v...

Kế là các thần núi trở xuống v.v... ở đây cho rằng hình núi hình thần chưa hẳn như thế, như thần cây hiện hình người bán thân mà chẳng có hình cây cối; thần núi không hẳn phải là hình quả núi, mà là vị thần nương gá vào núi mà thôi. Trước nêu các núi, kế là nói về tướng, sau nói đến chỗ Phật. Thần biển cũng như thế. Như văn, Hi liên, tướng truyền chỉ Bạt Đề là Hy-liên. Ở đây nói chẳng đúng, vì sông Bạt-đề lớn, sông Hy-Liên nhỏ, có người cho rằng sông rộng bốn trượng, tám trượng ở phía Bắc thành, còn sông Bạt-đề ở phía Nam thành, hai sông cách nhau một trăm dặm. Đức Phật trụ ở giữa mà Niết-bàn, rải hoa có thể đến được. Hy-Liên chưa được phiên dịch. Kế đến, từ câu “rừng cây biến thành mây trắng v.v...” trở xuống là nói gần thì buồn thương, xa thì triệu thỉnh. Đã lập hợp tức là thương, chưa tập hợp thì triệu thỉnh. Lại chia làm hai: Thứ nhất gần thì thương có ba tướng ba tướng.

Ta-la, như trước đã giải thích. Khu rừng này rất xanh tốt, bỗng nhiên biến thành màu trắng như lông hạc trắng. Trong rừng có loài hạc trắng, lúc rừng biến thành màu trắng thì không thể phân biệt được hạc. Đây là nói lên nếu tươi là nhất định thì chẳng thể bỗng nhiên thay đổi. Nếu nhất định là khô thì chẳng thể như hạc trắng. Khô đã như hạc thì khô chẳng phải khô; tươi bỗng nhiên thay đổi thì tươi chẳng phải tươi. Chẳng khô, chẳng tươi mà ở khoảng giữa vào Niết-bàn, tức là nói lên chẳng sinh, chẳng diệt mà hiện sinh diệt. Rừng Ta-la chỉ là một loại biến đổi, tùy cơ hiểu khác nhau. Hàng thượng căn thì đạt được Bản, hàng hạ căn thì buồn thương ở Tích, hàng trung căn thì ở khoảng giữa đạt và buồn. Phẩm Hiện Bệnh chép: “Hàng phàm phu thấp kém thấy thì cho là chắc chắn Niết-bàn, chỉ có các Bồ-tát như ngài Văn-thù-sư-lợi, v.v... thì biết Như Lai thường trụ bất biến”, tức là nghĩa này.

Kế đến, nói nhà cửa lâu đài trên hư không được trang hoàng đẹp đẽ.

Đây là nói lên thân tướng Phật là bậc nhất trong trời, người. Nay thân duyên đã cùng tận, trí tuệ vô thượng không còn ngự trị, bậc hạ sĩ phải buồn thương. Nhà là nương dưới đất, mà nay lại ở trên hư không, thì hư không có nhà, lại được điêu khắc, chạm trở rõ ràng, chẳng lay động, chẳng rơi rớt, có các thứ màu nhiệm trang nghiêm, đó là nói lên hư không có cất giữ đầy đủ không thiếu, là điều mà hàng trung căn ưa chuộng. Vả lại, nhà cửa đẹp đẽ trang nghiêm, lợi ích, nên gọi là có. Ở trên hư không cao xa, chẳng có người thọ dụng, gọi là Không. Nếu việc Có, Không này chẳng còn, gồm thân Không và có này trở về chẳng không chẳng có, đó là chỗ thông đạt của bậc Đại sĩ. Kẻ hạ căn thì buồn,

bạc thượng căn thì thông đạt, còn người trung căn thì ở khoảng giữa của buồn và thông đạt, giữa đầu và cuối.

Dưới các tòa nhà có suối nước, ao tắm. Đây là nói lên thân miệng của Phật, vì ứng phó chúng sinh mà lưu xuất ra các ngôn giáo, giống như ao tắm có hai công năng là rửa sạch cấu uế và xua tan nóng bức, nói lên lời Phật dạy có công năng dứt sạch khách trần bên ngoài, vô minh bên trong. Có hoa sen là nói lên tôn kính lời Phật dạy, tức là tu nhân. Nhân đó mà đạo khắp thế giới, cho nên lấy hai nơi làm dụ. Hóa duyên sắp hết như nhà làm trên cao, nêu ngôn giáo ban bố thấm nhuần, như suối trong chảy vào ao tắm. Nói về bản thể của nó, thì chẳng đi chẳng lưu giữ. Nói về lợi ích thì nên nói có đi và lưu giữ. Văn kinh ghi: “Đều thấy tướng Niết-bàn của Như Lai”, nếu xem qua chỉ có chỗ thấy của kẻ hạ căn, nếu nói đủ thì lại có ý thượng căn thông đạt, hạ căn buồn khổ như trước đã nói. Tuy ba tướng này trước sau khác nhau, nhưng ý thì đồng với trước. Trước dùng âm thanh lớn khuyến hối, hối thì giáo bí mật hiển bày, như ở đây nói dưới tòa nhà có dòng suối trong mát chảy khắp làm lợi ích cho nhiều người. Trước nói từ miệng phát ra ánh sáng năm màu chiếu soi, dứt trừ ba chướng, sinh ba điều lành, khiến người lập hạnh để thăng tiến, như nay nói nhà cao bỗng hiện trên hư không trang hoàng đẹp đẽ. Trước nói nước và đất rung chuyển, biểu thị cho phá tà đảo thấy tánh thường. Nay nói rừng cây biến thành màu trắng, như lông hạc trắng khiến chẳng ngại nơi khô tươi mà trở về Trung đạo, thể hội được chỗ cùng tột. Nhưng chúng sinh chẳng ngộ được thì lại hiển bày các tướng vỗ tay, gằn thì buồn thương, xa thì triệu thỉnh, tướng tuy khác nhau mà ý nghĩa thì đồng như trước, chỉ là một lần nữa làm cho chúng sinh được khai ngộ mà thôi.

Từ câu “bốn vị Thiên vương v.v...” trở xuống là nói triệu thỉnh chúng ở xa. Nếu chia đoạn từ văn trước thì đây là đoạn ba, triệu thỉnh chúng thượng giới gồm có năm chương. Đầu tiên là thỉnh các vị trời cõi Dục, trước thỉnh bốn vị Thiên vương.

Đây là nêu chủng loại. “Mỗi người đều bảo nhau” là vâng triệu thỉnh.

Do nghe âm thanh và thấy ánh sáng nên dùng mắt trời quán xét thấy người cúng dường.

Tự sắm sửa phẩm vật đến trụ xứ của Phật cúng dường, là nói về thuận theo triệu thỉnh.

Nói về trời Đế Thích, chỉ có hai phần là chúng triệu thỉnh và thuận triệu.

Nói cho đến các vị trời ở tầng trời thứ sáu tức là lược bỏ không nêu ba tầng trời ở giữa.

Nói trên đến trời Hữu đảnh tức là Sắc đảnh, lại nêu thêm Phạm thiên, như văn đã phân biệt ba đảnh, v.v... trước nói về thần lực của Phật thì nên hiểu chung cho ba đảnh, ở đây nói về vật cúng thì chỉ nói về Sắc đảnh.

Kế đến là nêu vua Tu-la. Thân chánh báo Xá-chi-phụ kém hơn cõi trời, vì sao lại nói là ánh sáng của thân rực rỡ hơn, vì đó đều là ánh sáng của bậc Đại Bồ-tát nên nói là rực rỡ.

Kế đến là nói về Ma chúng. Ma; Hán dịch là Sát giả. Ba-tuần gọi là ác trong ác, trụ ở tầng trời thứ sáu, là đứng đầu cõi Dục. Theo văn có ba: Thứ nhất, nêu loại và số. Thứ hai là khai ân xá trở xuống. Thứ ba, là sám sửa phẩm vật cúng dường.

Hiển cúng có hai là hiển thần chú và hiển phẩm vật.

Đức Phật chỉ nhận câu thần chú mà chẳng nhận vật cúng dường.

Hỏi: Ma đã xấu ác thì đâu thể có thần chú thiện được?

Đáp: Thần chú này của Đức Phật quá khứ, tình cờ Ma vương có được. Như người dân trong nước tình cờ bắt gặp được vật báu đem về dâng lên vua. Có người giải thích rằng: “Một, thần chú là tên quý thần, nghe tên thì chẳng được làm hại. Như người ăn trộm rình rập tài vật của người, người chủ biết tên, hô hoán tên này lên, thì kẻ ăn trộm chẳng dám hành động. Hai, chú là tên của các vua quý thần, nếu gọi tên người chủ thì chủ sẽ bảo thuộc hạ chẳng được làm hại. Ba, chú như sấm sét, quý thần sợ uy lực nên không dám hại. Bốn, chú là lời bí mật, như hiệu lệnh trong quân, tương ứng thì tha, không tương ứng thì trị. Quý thần cũng giống như thế, thuận thần chú thì che chở, không thuận thần chú thì phá. Năm, chú là sắc chỉ của Phật, chẳng ai dám chống trái. Có người vận hỏi rằng: “Chú là chú minh, là chú đại minh, là chú vô đẳng đẳng, nếu là tên của quý thần, thì làm sao khiến cho người giác ngộ được đạo quả. Ở đây giải thích chẳng đúng như thế. Nếu một bề giải thích theo sự thì chẳng khế hợp với đạo, nên lập ra pháp môn để giải thích, như thế các phiến não là tên của quý, vô minh là tên của quý vương; thiện phá được ác, giống như sấm sét, ngay nơi sự mà thật là mật ngữ. Đệ nhất nghĩa đế là sắc chỉ của Phật, y cứ theo pháp môn này sẽ được đắc đạo. Hơn nữa, đây là ý bốn Tất-đàn chung và riêng, trong đó bốn ý trước là riêng, một ý sau là chung, y theo cách giải này thì chẳng ngại.

Kế đến, trời Đại Tự Tại tức là trời Ma-hê-thủ-la trụ trên đỉnh cõi Sắc, là người đứng đầu thế giới đại thiên. Bồ-tát Thập địa cũng hiện

tích nơi đây. Như kinh Pháp Hoa nói “Thế giới chủ Phạm vương”, ý này thế nào?

Như nói người đứng đầu thế giới Ta-bà thì chính là chỉ cho Thủ-la. Nếu nói Thi-khí Đại phạm v.v... Tức là chỉ cho Nhị thiên gồm đầu Phạm vương của Tam thiên và Tứ thiên. Nếu nói là thế giới chủ, thì thật ra chỉ có quản lãnh một Tiểu thiên giới mà thôi; các nhà kết tập kinh muốn khen nên nói là thế giới chủ. Nay xin nói thêm rằng: “Đây là trung tâm của thế giới đại thiên nên được gọi là người đứng đầu thế giới đại thiên, nếu nói thấp hơn thì chẳng đúng”.

Y theo văn có hai:

1/ Cùng với quyển thuộc là chúng được triệu thỉnh.

2/ Nói về hiến cúng là thuận theo triệu thỉnh.

Đức Phật biết thời, nên im lặng không thọ nhận, chẳng thỏa mãn được ước nguyện, các trời Tự tại và các vị trời vô cùng buồn khổ ngồi về một phía.

Kế đến từ câu “bấy giờ, ở phương Đông v.v...” trở xuống, là triệu thỉnh chúng ở phương khác. Có chỗ cho rằng âm thanh và ánh sáng không đến đó được, Đức Phật cõi ấy tự bảo các chúng đến cõi này. Nếu y theo văn trước nói ánh sáng chiếu khắp thế giới Tam thiên, cho đến mười phương cũng giống như thế, thì đâu chẳng phải là do ánh sáng triệu thỉnh mà lại nói là Đức Phật cõi ấy sai bảo. Theo văn thì có đủ ba ý triệu thỉnh: 1/ Dùng cơm thơm dâng hiến Phật là ánh sáng triệu thỉnh; 2/ Đến cõi kia lễ kính là chấn động triệu thỉnh; 3/ Cầu xin giải nghi là âm thanh triệu thỉnh.

Y theo văn có hai đoạn: 1/ Nói về một phương; 2/ Nêu ba phương. Phương Đông có ba cặp: 1/ Đức Phật cõi kia nói về Đức Phật cõi này, chúng cõi này thấy chúng ở cõi kia; 2/ Đại chúng cõi này dùng không nghĩ bàn chẳng thấy mà thấy để thấy được Bồ-tát Vô Biên Thân cõi kia, Bồ-tát Vô Biên Thân dùng không nghĩ bàn chẳng đến mà đến để đến cõi này; 3/ Dùng vật cúng của Đức Phật kia cúng dường Đức Phật cõi này, Đức Phật cõi này không thọ nhận vật cúng của Đức Phật cõi kia. Ba hình ảnh ấy là ba điềm lành ở đầu kinh. Trong đó, Đức Phật cõi kia nói về Đức Phật cõi này, đại chúng cõi này thấy đại chúng ở cõi kia là điềm lành phát ra âm thanh. Đại chúng cõi này thấy đại chúng ở cõi kia, đại chúng ở cõi kia thấy đại chúng ở cõi này là điềm lành mặt đất rung chuyển. Đức Phật cõi kia cúng dường Đức Phật cõi này, Đức Phật cõi này, không thọ nhận, tức là điềm lành phát ra ánh sáng.

Trong cặp đầu trước tiên là Đức Phật cõi kia nói về Đức Phật cõi

này, văn kinh có bốn ý: 1. Nói về gần xa, 2. Đức Phật cõi kia nói về Đức Phật cõi này. 3. Đi đến; 4. Hiện điềm lành như trong văn kinh. Thứ đến. Đại chúng cõi này thấy đại chúng cõi kia cũng có bốn: 1. Sự hãi; 2. An ổn; 3. Thấy đại chúng cõi kia; 4. Than khổ.

Đại chúng thấy Phật lẽ ra sinh vui mừng, vì sao lại than khổ? Vì nghe Đức Phật cõi kia nói Đức Phật cõi này sắp nhập Niết-bàn. Đây là điềm lành phát âm thanh nêu ở trước. Biết mặt đất rung chuyển, run sợ kinh hãi là điềm đất rung chuyển nêu ở trước. Thấy như ánh sáng của gương là điềm lành phát ra ánh sáng đã nêu ở trước. Nghe thấy như thế rồi, Đức Phật cõi kia vì cõi này mà làm ra tướng Niết-bàn. Vì thế than lời khổ.

Hỏi: Đại chúng ở cõi này đều là người đồng hạnh với Phật, vì sao lại kinh sợ?

Đáp: Nay nói về thật, nên ý chẳng ở nơi quyên. Vả lại, ngôi vị Thập địa có thượng hạ phẩm. Việc Bồ-tát thượng phẩm làm, hạ phẩm chẳng biết. Việc do Phật lực tạo ra, nếu Phật mượn năng lực thần thông thì hàng còn trùng đều biết, nếu không mượn thần lực thì không thể biết. Cho nên chẳng thể biết được Bồ-tát Vô Biên Thân nương vào thần lực của Phật mà hiện điềm lành này. Thủ-la kinh sợ thì có gì phải nghi.

Kế đến là cặp thứ hai, từ câu “đại chúng thấy mỗi lỗ chân lông của Bồ-tát Vô Biên Thân” trở xuống v.v... là nói về vị Bồ-tát này hiện bày không nghĩ bàn chẳng thấy mà thấy.

Nói một lỗ chân lông tức là thấy nhỏ, mà dung chứa bảy mươi tám ngàn ngôi thành có các vật trang nghiêm đẹp đẽ tức là thấy lớn. Nhưng thân lượng đồng như hư không, hư không chẳng có lớn nhỏ, đâu thể nói hết, mà lại chẳng ngại từ kia đến đây. Lớn nhỏ dung nạp nhau, lỗ chân lông chẳng rộng ra, ngôi thành chẳng tó nhỏ lại. Lại nghe âm thanh vui vẻ thọ hưởng an vui, lại nghe nói: “Khổ thay, khổ thay”. Lại nghe âm thanh Đại thừa. Đó là nói chẳng khổ chẳng vui, không chướng ngại nhau. Cho nên Bồ-tát hiện các tướng này, là để nói lên hôm nay Đức Phật nhập Niết-bàn, là việc không nghĩ bàn.

Kế đó, từ câu “bấy giờ, Bồ-tát Vô Biên Thân và vô lượng Bồ-tát v.v...” trở xuống là nói các Bồ-tát cõi kia hiện không nghĩ bàn chẳng đến mà đến.

Cặp thứ ba, đầu tiên là nói về cúng dường Phật; chẳng thọ nhận, như văn kinh ghi; nói về ba phương khác; đều như văn kinh đã ghi.

Hỏi: Thân đã vô biên, thì cõi kia, cõi này đều ở trên đầu sợi lông, mà lại nói từ cõi kia đến cõi kia, thế thì từ biên kia đến biên này; trong

đó đại chúng thấy từ cõi kia đến, tức là ở biên này thấy biên kia, sao lại nói là vô biên?

Xưa giải thích rằng có ít phần vô biên nên có đến đi. Ở đây chẳng phải như thế. Đã nói rộng lớn như hư không, hư không đâu có ít phần nhiều phần ư? Đã nói ít phần tức là chẳng đồng với hư không. Nay nói sắc không nghĩ bàn của Bồ-tát tức biên và vô biên, vô biên tức biên, chẳng phải biên chẳng phải vô biên. Biên tức vô biên, rộng lớn như hư không. Vô biên tức biên thì từ kia đến đây, đây thấy kia đến. Tuy biên vô biên, chẳng phải biên chẳng phải vô biên mà năng hiện ra biên vô biên, nên gọi là không nghĩ bàn. Nếu có nhất định thì chẳng phải không nghĩ bàn. Như thân Phật Thích-ca chỉ cao một trượng sáu mà Phạm thiên ở trên cõi Sắc chẳng thấy được đánh tướng, chẳng thấy chẳng phải không thấy, mà thấy và chẳng thấy. Thí như đặt gương bên thân, thân hiện bóng trong gương, ở trong mà chẳng phải ở trong, chẳng ở trong mà ở trong. Như mặt trời chẳng bay xuống ao nước, ao nước chẳng bay lên trời mà bóng mặt trời hiện trên mặt nước. Sắc vô ngại còn khó nghĩ bàn, huống chi dùng tình chấp mà suy biết không nghĩ bàn được ư?

Kế đến từ câu “Ta-la-song-thọ v.v...” trở xuống là đoạn thứ ba, kết luận triệu thỉnh, có hai ý: 1/ Kết luận chúng nhóm họp; 2/ Kết luận các tướng tốt đã hiện. Hiện điềm lành là để nhóm chúng, chúng đã nhóm rồi, thì điềm lành cũng phải biến mất, cho nên phải kết luận cả hai. Đầu tiên kết luận về nhóm chúng, có ba ý: 1/ Nói về nơi chốn không nghĩ bàn; 2/ Người không thể nghĩ bàn; 3/ Lặp lại về nơi chốn không thể nghĩ bàn. Thứ nhất, ba mươi hai do-tuần dung chứa năm mươi hai chúng với cờ phướn lọng báu mà người không bị chướng ngại, vật cứng không bị tổn hại. Lại hạt bụi hoặc đầu mũi kim dung nạp Bồ-tát Vô Biên Thân và biết bao quyến thuộc với vô số vật cứng, mà người chẳng chướng ngại, vật cứng chẳng hư hoại. Đó là nơi chốn không nghĩ bàn. Kế đến là nói về người, có ba ý: 1/ từ câu “Mười phương như bụi cát v.v...” trở xuống là kết luận chúng cõi khác nhóm họp trên đầu mũi kim, và Diêm-phù là kết luận chúng cõi này nhóm họp tại Ta-la song thọ. Đây là nói về người không nghĩ bàn. 2. Phân biệt nên nhóm họp mà chẳng nhóm họp, chẳng nên nhóm họp mà nhóm họp. Đáng nhóm họp đến là hai chúng Ca-diếp và A-nan, chẳng nên đến là ba chúng rắn độc, ác nhân và ác quỷ. Nhưng ở đây nói đến hay chẳng đến đều không nghĩ bàn. 3. Nói về lợi ích của chúng nhóm họp đến.

Các chúng đến hay không đến đều khởi tâm từ, đến hay chẳng đến đều bình đẳng đối xử trang nghiêm thanh tịnh. Thân La-na-bà là

thuộc chúng đã nhóm họp đến, chúng sinh trong cõi tam thiên đại thiên là chúng chẳng được đến. Lại phân biệt từ bi và chẳng từ bi; chẳng từ bi là nhất-xiển-đề, vì chẳng sinh tâm từ. Nhưng từ và chẳng từ đều không nghĩ bàn.

Từ câu “lúc bấy giờ cõi tam thiên nhờ thần lực Phật v.v...” trở xuống là lặp lại nơi chốn không nghĩ bàn.

Tam thiên là cõi của các chúng nhóm họp, thế giới mười phương là cõi của các chúng chẳng nhóm họp, tất cả đều trang nghiêm thanh tịnh như cõi Cực lạc, nên nói mười phương cũng giống như thế. Vì chúng nhóm họp đến, nên đạt đến lợi ích này. Cõi chẳng có chúng nhóm họp, chúng chẳng nhóm họp chẳng phát tâm còn không nghĩ bàn, huống chi Như Lai thị hiện sinh diệt, đâu thể nghĩ bàn được. Kết luận chúng nhóm họp đã xong.

Kế đến, từ câu “từ miệng của Như Lai v.v...” trở xuống là kết luận hiện tượng lành.

Từ trên đến đây đã kể chín điềm lành, gom về ba ý nhưng chỉ thấu về một. Vì sao? Vì âm thanh, ánh sáng và gió đều từ miệng phát ra, nếu thấu được ánh sáng vào miệng thì âm thanh và gió cũng giống như thế. Thấu âm thanh là đứt giáo, có nghi thì hỏi ai, đây là nói lên việc thầy đã ra đi; thấu ánh sáng là bật chiếu soi, thì ba chương ngăn che đạo pháp, ba nghiệp lành chẳng sinh, đây là nói lên chủ đã ra đi; thấu gió là đứt thần biến, thì biết lấy gì mà chuyển điên đảo; đây là nói lên người thân đã ra đi.

Đại chúng thấy một việc mà hiểu được ba ý: Thấy thấu âm thanh vào miệng thì biết sắp mất bậc thầy, nên than khóc, nói chẳng nhận trời, người cúng dường. Đây là lỗi của khóc. Do sầu thương, không có pháp thực. Thấy thấu ánh sáng vào miệng, biết sắp mất chủ, cho nên khóc nói mặt trời Thánh tuệ từ nay tắt hẳn, ba chương ai đứt, ba thiện ai phát khởi. Thấy thấu gió vào miệng, tức biết sắp mất người thân, vì thế than khóc nói thuyên pháp chìm đắm, ai phá vô minh bờ này để sang đến bờ Niết-bàn bên kia. Ba lần khóc là khóc thầy, khóc chủ và khóc người thân.

Than thở là ý cảm động, kêu gào than khóc là miệng xót thương, tay chân run rẩy là thân khổ, ba nghiệp buồn tiếc đến như thế.

